

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS-ST
Ngày: 30-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thông Minh Tấn.

Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Thế là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2020/QĐXXST-HS ngày 15/10/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TRẦN THỊ KIM TH** (Tên gọi khác: không có); - sinh năm: 1987, tại Bình Thuận; Giới tính: Nữ.

- HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12;

- Tiền án, tiền sự: Không có;

*** Quan hệ gia đình:**

- Cha: Trần Minh C – sinh năm 1964, nghề nghiệp: Thợ mộc;

- Mẹ: Nguyễn Thị Y – sinh năm 1967, nghề nghiệp: Làm nông

- Gia đình có 05 người con, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

- Chồng: Phạm Văn H – sinh năm 1984, nghề nghiệp: làm nông;

- Con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019;

Tất cả cùng trú tại thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU H** (Tên gọi khác: Chín); sinh năm: 1970, tại Bình Thuận; Giới tính: Nữ;

- HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12;

- Tiền án, tiền sự: Không có;

*** Quan hệ gia đình:**

- Cha: Nguyễn Văn S, đã chết;

- Mẹ: Nguyễn Thị S1 – sinh năm 1945, già yếu;

- Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

- Chồng: Nguyễn Văn Tr – sinh năm 1969, nghề nghiệp: làm nông;

- Con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993;

Tất cả cùng trú tại thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

2. Ông Phạm Văn H1, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: thôn Phú Mỹ, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

4. Bà Trần Thị Xuân H3, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: thôn Phú Mỹ, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

5. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt – ông Trưởng ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thu H – theo Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng Tiến Đạt vào ngày 29/10/2020)

7. Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp 7, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/7/2019 (tức ngày 30/5/2019 âm lịch) ông Nguyễn Thanh V (sinh năm 1976, trú thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam) vay của Trần Thị Kim Th số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức vay 1.000.000.000 đồng thì ông V phải trả lãi số tiền là 7.000.000 đồng/ngày). Để có tiền cho ông V vay, Th đã vay của Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Th và H thỏa thuận lãi suất là 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) thì Th phải trả lãi số tiền là 6.000.000 đồng/ngày). Sau khi vay được tiền thì 10 ngày sau ông V trả cho Th 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) đồng tiền lãi, Th nhận số tiền này và trả cho H 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền lãi. Khoảng hơn 10 ngày sau (kể từ sau ngày trả lãi đầu tiên) ông V trả cho Th 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) tiền lãi, Th nhận số tiền này và trả cho bà H 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng) tiền lãi. Khoảng 10 ngày sau (kể từ sau ngày trả lãi lần thứ 2) ông V trả cho Th 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền lãi, Th nhận số tiền này và trả cho H 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền lãi. Đến ngày 06/9/2019 (tức ngày 08/8/2019 âm lịch), ông V trả cho Th 239.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu đồng) tiền lãi, Th nhận số tiền này và trả cho H 204.000.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng) tiền lãi. Do không có tiền trả tiền lãi cho Th nên ông Nguyễn Thanh V và vợ là Lê Thị Kim Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất vợ chồng ông V đang sinh sống cho vợ chồng bà Th, hợp đồng được Văn phòng công chứng Tiến Đạt công chứng vào ngày 09/10/2019 (do Th mới sinh con nên chồng là ông Phạm Văn H1 đứng ra giao dịch và đứng tên trong hợp đồng) với số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), trong đó: Th trả cho Ngân hàng 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, 200.000.000 đồng

(Hai trăm triệu đồng) là tiền lãi, 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trừ vào tiền gốc vay (tức ông V còn nợ Th 700.000.000 đồng). Đồng thời, cùng ngày hai bên lập lại hợp đồng vay để xác nhận lại đối với khoản tiền gốc 700.000.000 đồng còn lại (sau khi thống nhất cần trừ vào 300.000.000 đồng vào tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất), trong đó thể hiện ông Phạm Văn H1 là bên cho vay, bên vay là ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Kim Q (hợp đồng được Văn phòng công chứng Tiến Đạt công chứng vào ngày 09/10/2019). Ngày 19/11/2019, vợ chồng Th, ông H1 làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng SHB chi nhánh Bình Thuận với số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 22/11/2019, ông H1 nhận được tiền từ Ngân hàng. Đến ngày 23/11/2019, ông H1 gọi Nguyễn Thị Thu H qua nhà và ông H1 đưa cho Nguyễn Thị Thu H 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền lãi của số tiền vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Tính đến ngày 09/10/2019 (tức 100 ngày từ ngày ông V vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của Th), ông V đã trả cho Th 669.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng) tiền lãi. Tính đến ngày 23/11/2019 (tức 145 ngày từ ngày Th vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của Nguyễn Thị Thu H), Th đã trả cho H 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng) tiền lãi.

Trần Thị Kim Th cho ông V vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với lãi suất thu lợi là 669.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng) trong 100 ngày, tương đương lãi suất $(669.000.000:1.000.000.000:100) \times 365 = 244,185\%/năm$.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Do đó, số tiền lãi mà Th được phép nhận của ông V trong vòng 100 ngày là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%:365) \times 100 = 54.794.500 \text{ đồng}$ (Năm mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Trong vòng 100 ngày Th đã nhận tổng số tiền lãi từ ông V là 669.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng). Do đó, số tiền mà Th đã thu lợi bất chính do vượt quá mức lãi suất tối đa mà pháp luật quy định với số tiền là $669.000.000 \text{ đồng} - 54.794.500 \text{ đồng} = 614.205.500 \text{ đồng}$ (Sáu trăm mười bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng).

Nguyễn Thị Thu H cho Th vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với lãi suất thu lợi là 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng) trong 145 ngày, tương đương lãi suất $(602.000.000:1.000.000.000:145) \times 365 = 151,54\%/năm$.

Số tiền lãi mà Nguyễn Thị Thu H được phép nhận của Th trong vòng 145 ngày theo quy định của Bộ luật dân sự là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%:365) \times 145 \text{ ngày} = 79.452.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Trong vòng 145 ngày Nguyễn Thị Thu H đã nhận tổng số tiền lãi từ Th là 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng). Do đó, số tiền mà H đã thu lợi bất chính là $602.000.000 \text{ đồng} - 79.452.000 \text{ đồng} = 522.548.000 \text{ đồng}$ (Năm trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Như vậy, Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi cho vay lãi với mức 151,54%/năm, đã vượt quá 05 lần cho phép của Bộ luật hình sự, tức là 100%/năm, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 522.548.000 đồng (Năm trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng); Trần Thị Kim Th đã có hành vi cho vay lãi với mức 244,185%/năm đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định, tức là vượt quá 100%/năm, với tổng số tiền thu lợi bất chính là 614.205.500 đồng (Sáu trăm mười bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra xác định được thêm như sau: Vào ngày 07/10/2019, (tức ngày 09/9/2019 âm lịch) Nguyễn Thị Thu H có vay của bà Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1976, trú thôn Phú Mỹ, xã Hàm Mỹ) số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) với lãi suất 4.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng (tức vay 1.100.000.000 đồng bà H phải trả cho bà H2 4.400.000 đồng/ngày), lãi suất tính theo năm là 146%/năm, hai bên thỏa thuận vay trong vòng 03 ngày. Tuy nhiên, tới thời điểm này, H vẫn chưa trả tiền lãi và tiền vay cho bà H2 và mới trả 100.000.000 đồng tiền gốc cho bà H2.

Để có tiền cho Nguyễn Thị Thu H vay, bà H2 đã vay của bà Trần Thị Xuân H3 (sinh năm 1974, trú thôn Phú Mỹ, xã Hàm Mỹ) số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng (tức vay 1.000.000.000 đồng bà H2 phải trả cho bà H3 3.000.000 đồng/ngày), lãi suất theo năm là 109,5%/năm, hai bên thỏa thuận vay trong vòng 03 ngày (tức bà H3 nhận được 9.000.000 đồng tiền lãi). Tuy nhiên, tới thời điểm này, bà H2 vẫn chưa trả tiền lãi và tiền vay cho bà H3.

Do đó, hành vi của bà H2 và bà H3 không đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Số tiền trên được bà H3 vay của bà Lê Thị Lại (sinh năm 1964, trú thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ), với lãi suất 2.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng (tức vay 1.000.000.000 đồng bà Hiệp phải trả cho bà Lại 2.000.000 đồng/ngày), lãi suất theo năm là 73%/năm. Do đó, hành vi của bà Lại không đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSHTN-HS ngày 24/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận truy tố Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa; Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th theo như bản Cáo trạng số 37/CT-VKSHTN-HS ngày 24/5/2020 , đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Nguyễn Thị Thu H từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt: Trần Thị Kim Th từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Về trách nhiệm dân sự, áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của TANDTC thì đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc) được xác định là phương tiện phạm tội, nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng phải tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước khoản tiền này. Do vậy, đối với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) mà Nguyễn Thị Thu H cho Trần Thị Kim Th vay và Th tiếp tục dùng số tiền này cho ông Nguyễn Thanh V vay; xét thấy, đây là số tiền dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trong khoản tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) nói trên, hiện nay bị cáo Trần Thị Kim Th và chồng là ông Phạm Văn H đang quản lý 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); vợ chồng ông Nguyễn Thanh V, bà Lê Thị Kim Q quản lý 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); do vậy, đề nghị HĐXX buộc bị cáo Trần Thị Kim Th cùng với chồng là ông Phạm Văn H nộp 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); vợ chồng ông Nguyễn Thanh V, bà Lê Thị Kim Q nộp 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 669.000.000 đồng tiền lãi; căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ xác định được: Nguyễn Thị Thu H quản lý 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng), Trần Thị Kim Th quản lý 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng).

Trong giao dịch giữa Trần Thị Kim Th cho ông Nguyễn Thanh V vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), số tiền lãi mà Trần Thị Kim Th đã nhận của ông V trong 100 ngày là 669.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng); theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, số tiền lãi tối đa cho phép trong 100 ngày là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 365) \times 100 \text{ ngày} = 54.794.520 \text{ đồng}$; như vậy, cần buộc bị cáo Trần Thị Kim Th phải nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 54.794.520 đồng và trả lại cho ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Kim Q khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 614.205.480 đồng.

Trong giao dịch mà Nguyễn Thị Thu H cho Trần Thị Kim Th vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), số tiền lãi mà Nguyễn Thị Thu H nhận được

của Trần Thị Kim Th trong 145 ngày là 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng); theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, số tiền lãi tối đa cho phép trong 145 ngày là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%:365) \times 145 \text{ ngày} = 79.452.054 \text{ đồng}$; như vậy, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 79.452.054 đồng và trả lại cho Trần Thị Kim Th khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 522.547.946 đồng.

Hiện bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã nộp 350.000.000 đồng để khắc phục hậu quả – hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo các biên lai thu tiền: số 0003394 ngày 30/6/2020, số 0003395 ngày 09/7/2020, số 0003406 ngày 20/7/2020 và số 0003467 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Đề nghị HĐXX tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền trên để bảo đảm việc xử lý phân dân sự và áp dụng biện pháp tư pháp.

Đối với giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị H2 số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng); tại phiên tòa, hai bên đều xác nhận thời điểm xác lập giao dịch vay tiền vào ngày 07/10/2019 (tức ngày 09/9/2019 âm lịch), khi vay tiền của bà H2, bà Nguyễn Thị Thu H đã viết giấy xác nhận việc vay số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), phía dưới ký, ghi họ tên Nguyễn Thị Thu H; bà H trả cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc. Như vậy, khoản vay 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) giữa bà Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị H2 xác lập giao dịch vay tiền vào ngày 07/10/2019 (tức ngày 09/9/2019 âm lịch) không liên quan đến khoản tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) mà bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Trần Thị Kim Th vay vào ngày 02/7/2019 (tức ngày 30/5/2019 âm lịch). Do đó, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết giao dịch vay tiền nói trên giữa bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Thu H cũng như giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H2 với bà Trần Thị Xuân H3, giữa bà Trần Thị Xuân H3 với bà Lê Thị L trong vụ án này. Ngoài ra, đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh V và ông Phạm Văn H1 liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa vợ chồng ông Nguyễn Thanh V với ông Phạm Văn H1 (chồng của bị cáo Th) – đây là giao dịch khác, không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các chủ thể liên quan có thể tự thỏa thuận để giải quyết các giao dịch nói trên thì có thể thực hiện quyền khởi kiện hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã truy tố; trong phần trình bày lời nói sau cùng các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện, hoàn cảnh, nhận thức của các bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H2 và bà Trần Thị Xuân H3 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền vay

còn nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để bà Nguyễn Thị H2 trả lại cho bà Trần Thị Xuân H3; bà Trần Thị Xuân H3 trả lại cho bà Lê Thị L.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn H1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh V giao nhà và đất mà vợ chồng ông V chuyển nhượng cho ông để ông bán, trả nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh V đề nghị ông Phạm Văn H, bà Trần Thị Kim Th chuyển tên thửa đất thổ cư có căn nhà để vợ chồng ông có điều kiện sinh sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, Kiểm sát viên đều được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Lê Thị L, bà Lê Thị Kim Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 65 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về cấu thành tội phạm: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th là những công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo hoàn toàn có thể nhận thức được việc cho vay lãi nặng vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, vì háms lợi mà các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, đã thực hiện hành vi cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, cụ thể: Vào ngày 02/7/2019, Nguyễn Thị Thu H cho Trần Thị Kim Th vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày (tương đương 0,6%/ngày, 18%/tháng, 216%/năm), quá trình thực hiện trong khoảng thời gian 145 ngày bị cáo H đã nhiều lần nhận tiền lãi của Trần Thị Kim Th với tổng số tiền là 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng) - tương đương với 100 ngày theo thỏa thuận. Cùng ngày 02/7/2019, Trần Thị Kim Th dùng số tiền 1.000.000.000

đồng (Một tỷ đồng) - đã vay của Nguyễn Thị Thu H nói trên - cho ông Nguyễn Thanh V vay lại với lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày (tương đương 0,7%/ngày, 21%/tháng, 252%/năm); quá trình thực hiện, trong khoảng thời gian 100 ngày bị cáo Th đã nhận của ông Nguyễn Thanh V số tiền lãi tổng cộng là 669.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng) – tương đương 95 ngày theo thỏa thuận - nhưng bị cáo Th đã tự nguyện chốt thời hạn trả lãi đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng đất tương đương với 100 ngày.

Trong vụ án, khoản tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) được luân chuyển trong hai giao dịch vay tiền nói trên có nguồn gốc là của bị cáo Nguyễn Thị Thu H. Tuy nhiên, đây là hai giao dịch độc lập bởi lẽ, theo quy định tại Điều 464 của Bộ luật Dân sự quy định thì “Bên vay trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản đó”. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lợi bất chính trong mỗi giao dịch sau khi trừ đi số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Do đó, số tiền lãi mà Trần Thị Kim Th được nhận của ông V theo quy định của pháp luật trong 100 ngày $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%:365) \times 100 \text{ ngày} = 54.794.520 \text{ đồng}$ (Năm mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng); số tiền lãi mà Nguyễn Thị Thu Hương được nhận của Trần Thị Kim Th theo quy định của pháp luật trong 145 ngày là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%:365) \times 145 \text{ ngày} = 79.452.054 \text{ đồng}$ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng).

Như vậy, tổng số tiền lãi mà Trần Thị Kim Th thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là $669.000.000 \text{ đồng} - 54.794.520 \text{ đồng} = 614.205.480 \text{ đồng}$ (Sáu trăm mười bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng); tổng số tiền lãi mà Nguyễn Thị Thu H thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là $602.000.000 \text{ đồng} - 79.452.054 \text{ đồng} = 522.547.946 \text{ đồng}$ (Năm trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn sáu đồng).

Tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự....

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

Như vậy, hành vi nói trên của Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý về tài chính, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình

sự năm 2015 như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát huyện Hàm Thuận Nam là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật .

[3] Về nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã nộp lại số tiền 350.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước và trả lại cho người vay khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép; do vậy, được áp dụng tình tiết “tích cực khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Thị Kim Th hiện nay đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi; HĐXX xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt; đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được và lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thể hiện các bị cáo thực hiện hành vi cho vay theo phương thức vay tiền của người khác rồi cho vay lại với mức lãi suất cao hơn để hưởng chênh lệch tiền lãi (không phải hoạt động cho vay lãi nặng có tính chất băng nhóm); các bị cáo trong vụ án đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét tính chất mức độ phạm tội, các điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[6] Đối với ông Phạm Văn H1 (là chồng của bị cáo Th) và ông Nguyễn Văn Tr (là chồng của bị cáo H) đều không biết, không tham gia thực hiện vào quá trình các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th thực hiện hành vi cho vay lãi nặng; do đó, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý ông Phạm Văn H1 và ông Nguyễn Văn T với vai trò đồng phạm với các bị cáo là có cơ sở.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị H2 cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) vào ngày 07/10/2019 (tức ngày 09/9/2019 âm lịch) với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày,

hai bên thỏa thuận vay trong vòng 03 ngày (tức vay 1.100.000.000 đồng bà H phải trả cho bà H2 4.400.000 đồng/ngày), tương đương lãi suất tính theo năm là 144%/năm. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị H2 và bị cáo Nguyễn Thị Thu H, đến thời điểm hiện nay, bị cáo H đã trả cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc, bị cáo H còn nợ của bà Nguyễn Thị H2 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc. Đối với hành vi của bà Trần Thị Xuân H3 cho bà Nguyễn Thị H2 đã vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hai bên thỏa thuận vay trong vòng 03 ngày (tức vay 1.000.000.000 đồng bà H2 phải trả cho bà H3 3.000.000 đồng/ngày), tương đương lãi suất tính theo năm là 109,5%/năm, đến nay bà H2 cũng chưa trả tiền gốc và lãi cho bà H3. Mặc dù, lãi suất trong hai trường hợp nói trên đều vượt quá năm lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự; tuy nhiên, quá trình điều tra không chứng minh được bà Nguyễn Thị H2, bà Trần Thị Xuân H3 đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Do đó, hành vi của bà H2 và bà H3 không đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi của bà Lê Thị L cho bà Trần Thị Xuân H3 vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức vay 1.000.000.000 đồng bà H3 phải trả cho bà L 2.000.000 đồng/ngày), tương đương lãi suất tính theo năm là 73%/năm (không vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Do đó, hành vi của bà L không đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự, áp dụng biện pháp tư pháp:

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của TANDTC thì đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc) được xác định là phương tiện phạm tội, nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng phải tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước khoản tiền này. Do vậy, đối với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) mà Nguyễn Thị Thu H cho Trần Thị Kim Th vay và Th tiếp tục dùng số tiền này cho ông Nguyễn Thanh V vay; xét thấy, đây là khoản tiền tiền gốc dùng để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính, mặc dù cả hai giao dịch nói trên đều vi phạm pháp luật, đáng lẽ cần tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền gốc của từng giao dịch; tuy nhiên, trong thực tế số tiền gốc là cùng một khoản tiền được luân chuyển trong hai giao dịch; do đó, căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, HĐXX xét thấy chỉ cần tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Theo các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định được: Trong khoản tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc nói trên, hiện nay bị cáo Trần Thị Kim Th cùng với chồng là ông Phạm Văn H đang quản lý 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); vợ chồng ông Nguyễn Thanh V, bà Lê Thị Kim Q quản lý 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); do vậy, HĐXX cần buộc bị cáo Trần Thị Kim Th cùng với chồng là ông Phạm Văn H liên đới trách nhiệm nộp 300.000.000

đồng (Ba trăm triệu đồng); vợ chồng ông Nguyễn Thanh V, bà Lê Thị Kim Q liên đới trách nhiệm nộp 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 669.000.000 đồng tiền lãi mà ông Nguyễn Thanh V trả cho Trần Thị Kim Th, hiện Nguyễn Thị Thu H quản lý 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng), Trần Thị Kim Th quản lý 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng).

Trong giao dịch giữa Trần Thị Kim Th cho ông Nguyễn Thanh V vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), số tiền lãi mà Trần Thị Kim Th đã nhận của ông V là 669.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi chín triệu đồng) – trong 100 ngày theo thỏa thuận; theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, số tiền lãi tối đa cho phép trong 100 ngày là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%:365) \times 100 \text{ ngày} = 54.794.520 \text{ đồng}$; như vậy, cần buộc bị cáo Trần Thị Kim Th phải nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 54.794.520 đồng và trả lại cho ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Kim Q khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 614.205.480 đồng.

Trong giao dịch mà Nguyễn Thị Thu H cho Trần Thị Kim Th vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), số tiền lãi mà Nguyễn Thị Thu H nhận được của Trần Thị Kim Th là 602.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu đồng) – trong khoảng thời gian là 145 ngày; theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, số tiền lãi tối đa cho phép trong 145 ngày là $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (20\%:365) \times 145 \text{ ngày} = 79.452.054 \text{ đồng}$; như vậy, cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp để sung công quỹ nhà nước số tiền 79.452.054 đồng và trả lại cho Trần Thị Kim Th khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 522.547.946 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã nộp 350.000.000 đồng để khắc phục hậu quả – hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo các biên lai thu tiền: số 0003394 ngày 30/6/2020, số 0003395 ngày 09/7/2020, số 0003406 ngày 20/7/2020 và số 0003467 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam; HĐXX xét thấy cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án phần dân sự và áp dụng biện pháp tư pháp.

Đối với giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị H2 số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng); tại phiên tòa, hai bên đều xác nhận thời điểm xác lập giao dịch vay tiền vào ngày 07/10/2019 (tức ngày 09/9/2019 âm lịch), khi vay tiền của bà H2, bà Nguyễn Thị Thu H đã viết giấy xác nhận việc vay số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), phía dưới ký, ghi họ tên Nguyễn Thị Thu H (bà H2 đã nộp cho cơ quan điều tra – bút lục 64); bà H trả cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H2 thừa nhận “Giấy biên nhận vay tiền” - không đề ngày lập - thể hiện nội dung Nguyễn Thị Thu H vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị H2 số tiền

1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vay từ ngày 30/5/2019 âm lịch (bút lục 59) là do bà H nhờ bà H2 ký xác nhận để bà H nộp cho cơ quan điều tra nhằm hợp thức hóa nguồn gốc khoản tiền mà bị cáo H cho bị cáo Th vay khi cơ quan điều tra mời bị cáo H làm việc. Như vậy, khoản vay 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) giữa bà Nguyễn Thị Thu H vay của bà Nguyễn Thị H xác lập giao dịch vay tiền vào ngày 07/10/2019 (tức ngày 09/9/2019 âm lịch) – thể hiện trong tài liệu bút lục 64 (do bà H2 đã nộp cho cơ quan điều tra) không liên quan đến khoản tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) mà bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Trần Thị Kim Th vay vào ngày 02/7/2019 (tức ngày 30/5/2019 âm lịch). Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết giao dịch vay tiền nói trên giữa bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Thu H cũng như giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H2 với bà Trần Thị Xuân H3, giữa bà Trần Thị Xuân H3 với bà Lê Thị L trong vụ án này. Ngoài ra, đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh V và ông Phạm Văn H liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa vợ chồng ông Nguyễn Thanh V với ông Phạm Văn H1 (chồng của bị cáo Th) – đây là giao dịch khác, không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp các chủ thể liên quan không thỏa thuận được việc giải quyết các giao dịch nói trên thì có thể thực hiện quyền khởi kiện hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Xử lý vật chứng: Do Tòa án không xem xét, giải quyết đối với giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị Thu H nên cần tuyên trả lại giấy xác nhận việc vay tiền mà bà Nguyễn Thị H2 nộp cho cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án tại bút lục số 64 (có đặc điểm hiện trạng như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 13/4/2020 của Công an huyện Hàm Thuận Nam).

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Trần Thị Kim Th 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

2.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nguyễn Thị Thu H 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị Kim Th cho Ủy ban nhân dân xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Trần Thị Kim Th và ông Phạm Văn H liên đới trách nhiệm nộp 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); buộc ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Kim Q liên đới trách nhiệm nộp 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc Trần Thị Kim Th phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền 54.794.520 đồng (*Năm mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm hai mươi đồng*); buộc Trần Thị Kim Th trả lại cho ông Nguyễn Thanh V và bà Lê Thị Kim Q khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 614.205.480 đồng (*Sáu trăm mười bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng*).

Buộc Nguyễn Thị Thu H phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền 79.452.054 đồng; buộc Nguyễn Thị Thu H trả lại cho Trần Thị Kim Th khoản tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 522.547.946 đồng (*Năm trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn sáu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) mà bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã nộp – hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam đang quản lý – theo các biên lai thu tiền: số 0003394 ngày 30/6/2020, số 0003395 ngày 09/7/2020, số 0003406 ngày 20/7/2020 và số 0003467 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam để bảo đảm việc thi hành án phần dân sự và áp dụng biện pháp tư pháp.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H2 tài liệu tại bút lục số 64 (có đặc điểm hiện trạng như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 13/4/2020 của Công an huyện Hàm Thuận Nam).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Thị Kim Th và Nguyễn Thị Thu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai; các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa; có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa; có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Công an huyện Hàm Thuận Nam;
- UBND xã Hàm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Hội

